

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên tỉnh Lâm Đồng đạt thành tích tại các đại hội, giải thể thao quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích tại các đại hội, giải thể thao quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mức thưởng được quy định tại Quyết định này áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thuộc đội tuyển thể thao của tỉnh đạt thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thể thao quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thể thao quốc gia

1. Mức thưởng đối với vận động viên

a) Các môn thể thao cá nhân mức thưởng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/huy chương

STT	Tên giải thi đấu	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
01	Đại hội Thể thao toàn quốc	20	12	8	20
02	Giải Vô địch Quốc gia, giải Cúp, Câu lạc bộ toàn quốc	8	4.8	3.2	8
03	Giải Khuyết tật, thể thao dân tộc toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp Quốc gia khác	4	2.4	1.6	4

04	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng huy chương cá nhân vô địch quốc gia	1.6	0.96	0.64	1.6
05	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng huy chương cá nhân vô địch quốc gia	2.4	1.44	0.96	2.4
06	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng huy chương cá nhân vô địch quốc gia	3.2	1.92	1.28	3.2
07	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng huy chương cá nhân vô địch quốc gia	4	2.4	1.8	4

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Vận động viên đạt thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

d) Đối với các môn thể thao phong trào thi đấu tập thể: Thẻ dực dưỡng sinh, Bóng chuyền hơi, Bóng cựa và các môn thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc khác (thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp Quốc gia).

Đơn vị tính: triệu đồng/huy chương

STT	Huy chương	Mức thưởng
1	Huy chương vàng	15
2	Huy chương bạc	9
3	Huy chương đồng	6

2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích trong các cuộc thi đấu, thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải theo điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu đạt thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia

thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên. Số lượng vận động viên tham gia thi đấu là số lượng người thi đấu chính thức được quy định bởi luật hoặc điều lệ thi đấu.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng, nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

d) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.


Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thể thao quốc gia được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao bố trí trong dự toán chi hằng năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2023.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ VHTTDL (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 6;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Tích hợp dữ liệu và Chuyển đổi số;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP, TTCBTH;
- Lưu: VT, VX4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp